

Số: 79/BC-UBND

Quảng Thọ, ngày 06 tháng 6 năm 2022

BÁO CÁO

Công tác Cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2022

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân huyện Quảng Điền;
- Phòng nội vụ huyện.

Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, Ủy ban nhân dân xã Quảng Thọ báo cáo tình hình triển khai thực hiện công tác Cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ công tác CCHC trọng tâm trong thời gian tới, cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Về kế hoạch CCHC

UBND xã đã ban Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 05/01/2022 của về công tác CCHC năm 2022 tại UBND xã Quảng Thọ. Tại Kế hoạch UBND xã xác định 42 nhiệm vụ trọng tâm trong 06 lĩnh vực của công tác CCHC.

Trong 6 tháng đầu năm đã thực hiện 26 nhiệm vụ, còn các nhiệm vụ khác sẽ được thực hiện trong 6 tháng còn lại. UBND xã đã phân định trách nhiệm và thời gian hoàn thành từng nhiệm vụ đối với các bộ phận cụ thể. Nhìn chung công tác CCHC đã được triển khai thực hiện khá nghiêm túc và hoàn thành cơ bản những nhiệm vụ đã đề ra trong 6 tháng đầu năm theo kế hoạch.

2. Về tổ chức chỉ đạo, điều hành CCHC

- Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 191/KH-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Quảng Điền về cải cách hành chính huyện Quảng Điền năm 2022; Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 05/01/2022 của về công tác CCHC năm 2022 tại UBND xã Quảng Thọ và các kế hoạch khác liên quan đến công tác cải cách hành chính.

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại UBND xã, công khai các trình tự, thủ tục hành chính, thời gian giải quyết, các biểu mẫu và các loại phí, lệ phí có liên quan. Đơn giản hoá thủ tục hành chính để thuận lợi cho tổ chức và công dân khi đến giao dịch công việc.

- Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước; tích cực tuyên truyền cải cách hành chính trên trang thông tin điện tử của xã,; tiếp tục duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng

theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 tại cơ quan.

- Thường xuyên chấn chỉnh, nâng cao chất lượng hoạt động công vụ theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao. Công tác tiếp nhận và giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của tổ chức và công dân cũng được chú trọng chỉ đạo thực hiện.

3. Về kiểm tra CCHC

- UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 14/KH-UBND ngày 24/01/2022 về kiểm tra cải cách hành chính, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức năm 2022, thời gian và nội dung kiểm tra: Thời gian kiểm tra công tác cải cách hành chính, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ công chức từ ngày 01/02/2022 đến thời điểm kiểm tra. Theo đó, UBND xã sẽ tiến hành kiểm tra đối với 09 CBCC thuộc UBND xã.

- UBND xã cũng đã ban hành Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2022 về kiểm tra công vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính năm 2022. Trên cơ sở kế hoạch kiểm tra, UBND xã đã chỉ đạo công chức Văn phòng - Thống kê xã chuẩn bị các điều kiện để đoàn kiểm tra của xã làm việc và thực hiện đúng tiến độ kiểm tra theo kế hoạch đề ra.

- Mục đích của kiểm tra nhằm Đánh giá đúng tình hình chỉ đạo, triển khai, tổ chức thực hiện công vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính nhằm góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả sử dụng thời gian làm việc tại cơ quan; chấn chỉnh, cải tiến lề lối làm việc, nâng cao tinh thần trách nhiệm, hiệu quả giải quyết công việc của cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách. Phát hiện và kiến nghị khắc phục những sai sót hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền xử lý nghiêm những hành vi vi phạm các quy định hiện hành của nhà nước; nâng cao vai trò, trách nhiệm người đứng đầu cơ quan trong quản lý, chỉ đạo, điều hành công việc, ý thức chấp hành kỷ cương, kỷ luật hành chính nâng cao hiệu quả triển khai công tác cải cách hành chính tại UBND xã.

4. Về công tác tuyên truyền CCHC

- Ban hành Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2022 của UBND xã về công tác tuyên truyền cải cách hành chính năm 2022. UBND xã đã thường xuyên chỉ đạo công chức Văn hóa - Xã hội xã phối hợp với các bộ phận liên quan và Đài truyền thanh xã tổ chức tuyên truyền, phổ biến về chương trình CCHC nhằm nâng cao nhận thức về CCHC cho toàn thể cán bộ, công chức và người dân về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác CCHC đối với sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của xã; phát hiện, nhân rộng các gương tiêu biểu, cách làm hay trong triển khai thực hiện công tác CCHC. Hình thức tuyên truyền được đa dạng hóa thông qua tuyên truyền tại Hội nghị và tuyên truyền thông qua các buổi tập huấn các phần mềm, tập huấn ISO, truyền thông qua hệ thống đài truyền thanh của xã.

- Chỉ đạo ban biên tập Trang thông tin điện tử xã duy trì và nâng cao chất lượng các chuyên trang, chuyên mục CCHC, vận động sử dụng các các kênh thông tin, truyền thông khác để tuyên truyền công tác CCHC. Trong 6 tháng đầu năm 2022, Ủy ban nhân dân xã đã đăng tải 85 tin, bài về tuyên truyền công tác cải cách hành chính trên trang thông tin điện tử của xã tại địa chỉ (<https://quangtho.thuathienhue.gov.vn>). Ngoài ra, UBND xã còn thực hiện nhiều bài tuyên truyền về CCHC trên Fanpage “Cổng thông tin xã Quảng Thọ” trên mạng xã hội Facebook.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Trong 6 tháng đầu năm 2022, được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp trên, cùng với sự nỗ lực, cố gắng của địa phương, công tác CCHC trên địa bàn tiếp tục có những chuyển biến tích cực, cụ thể là:

1. Cải cách thể chế

- UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 84/KH-UBND ngày 22/12/2021 về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) năm 2022; Kế hoạch số 85/KH-UBND ngày 22/12/2021 về kiểm tra văn bản QPPL năm 2022; Kế hoạch số 88/KH-UBND ngày 27/12/2021 về xây dựng văn bản QPPL 2022.

- Đã chỉ đạo Văn phòng HĐND và UBND xã phối hợp các ngành liên quan chủ động tham mưu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hành chính thông thường để trình HĐND-UBND quyết định. Trong quá trình ban hành văn bản UBND xã đã tăng cường chỉ đạo việc thực hiện rà soát các loại văn bản không còn hiệu lực để bãi bỏ, đồng thời bổ sung các văn bản mới ban hành khi soạn thảo văn bản. HĐND xã đã ban hành văn bản được thể hiện trong Nghị quyết về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

- Trong 6 tháng đầu năm 2022, việc xây dựng và ban hành các văn bản QPPL được thực hiện đúng trình tự, thủ tục, Hội đồng Nhân dân xã đã ban hành 01 văn bản quy phạm pháp luật: Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân xã về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2022.

- Thực hiện các văn bản chỉ đạo của UBND huyện, văn bản hướng dẫn của Sở Tư pháp và Phòng Tư pháp huyện Quảng Điền. UBND xã Quảng Thọ đã tập trung tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật gắn với từng lĩnh vực trọng tâm, phù hợp với đặc điểm tình hình thực tế của địa phương. Ủy ban nhân dân xã đã ban hành Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 05/01/2022 về việc triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn xã Quảng Thọ năm 2022 và Kế hoạch số 42/KH-UBND ngày 04/4/2022 về việc tổ chức hội nghị tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật đợt I năm 2022. Trên cơ sở đó, đã phân công các ban ngành, đoàn thể tùy theo nhiệm vụ và tình hình thực tế của lĩnh vực mình phụ trách để triển khai thực hiện.

2. Cải cách TTHC

- Ủy ban nhân dân xã đã ban hành kế hoạch về công tác kiểm soát thủ tục hành chính năm 2022; kế hoạch về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2022. Đồng thời tổ chức triển khai thực hiện các nội dung năm trong kế hoạch theo đúng tiến độ và thời gian đề ra.

- Tiến hành niêm yết công khai các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh, UBND huyện, UBND xã trên trang thông tin điện tử xã, niêm yết tại nơi giải quyết TTHC, đồng thời khuyến khích tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng khác; cập nhật, cấu hình điện tử các TTHC trên phần mềm xử lý dịch vụ công tập trung; chỉ đạo đảm bảo 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã được tiếp nhận, xử lý, trả kết quả thông qua phần mềm xử lý dịch vụ công tập trung, công khai đầy đủ các khoản phí, lệ phí, lập các biểu bảng, sổ theo dõi để cập nhật, bổ sung việc công khai các danh mục TTHC mới đảm bảo việc giải quyết TTHC theo quy định tại Quyết định số 34/2019/QĐ-UBND ngày 13/6/2019 của UBND tỉnh.

- UBND xã đã vận dụng sáng tạo giải pháp hỗ trợ niêm yết, tra cứu thông tin TTHC và nộp hồ sơ trực tuyến bằng mã QR Code. Theo đó từ 10/5/2022, tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả hiện đại UBND xã Quảng Thọ đã đưa vào hoạt động bảng niêm yết gồm 32 mã QR Code tương ứng với 131 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết trên tất cả các lĩnh vực nhằm hỗ trợ tổ chức, người dân đăng nhập, tra cứu và thực hiện các TTHC. Quảng Thọ là địa phương cấp xã đầu tiên của tỉnh áp dụng cách làm sáng tạo nhằm thực hiện hiệu quả chương trình chuyển đổi số, xây dựng chính quyền điện tử.

- Trong 6 tháng đầu năm, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại xã đã tiếp nhận 1062 hồ sơ thủ tục hành chính, trong đó giải quyết trước hạn, đúng hạn là 1061 hồ sơ (chiếm tỷ lệ 99,9%), giải quyết quá hạn là 01 hồ sơ (chiếm tỷ lệ 0,1%); đang giải quyết 00 hồ sơ, 100% hồ sơ đã được số hóa đầu vào và đầu ra; Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả hiện đại xã đã thực hiện khá nghiêm túc việc khảo sát, lấy ý kiến mức độ hài lòng của người dân đối với việc giải quyết TTHC của cán bộ, công chức, cụ thể đã khảo sát 1016 phiếu, đạt tỉ lệ 95,7% hồ sơ TTHC được giải quyết.

- Tiếp tục thực hiện tốt Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/2/2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính và Quyết định số 43/2018/QĐ-UBND ngày 09/08/2018 của UBND tỉnh ban hành quy định về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh, cụ thể UBND xã đã niêm yết công khai các thông tin về địa chỉ, email, số điện thoại của cơ quan tiếp nhận, xử lý phản ánh, khiếu nại trên trang thông tin điện tử của xã để tiếp nhận xử lý phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính. Trong 6 tháng đầu năm,

UBND xã không nhận được bất cứ phản ánh nào liên quan đến quy định hành chính.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

- Tiếp tục thực hiện Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/04/2019 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 14/7/2020 của HĐND tỉnh Thừa Thiên Huế quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp, mức phụ cấp kiêm nhiệm đối với người hoạt động không chuyên trách; mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố; mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; đảm bảo sử dụng biên chế tại UBND xã không vượt quá so với tổng số biên chế được giao.

- Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy đảm bảo hợp lý, khoa học, tinh gọn hoạt động có hiệu quả. Ban hành quyết định củng cố, kiện toàn bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại. Đổi mới quy trình, lề lối làm việc để nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của công dân, tổ chức.

- Tiến hành xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất đạo đức tốt, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có năng lực, tận tụy phục vụ nhân dân. Xác định cụ thể các chức danh và tiêu chuẩn công chức phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao làm cơ sở xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và quy hoạch cán bộ.

*Tổng số cán bộ, công chức: 20 người. Trong đó:

- Về trình độ chuyên môn: Đại học 20 người, chiếm tỷ lệ 100%
- Về trình độ lý luận chính trị: Cao cấp lý luận chính trị 01 người, chiếm tỉ lệ 5%, Trung cấp lý luận chính trị 14 người, chiếm tỷ lệ 70%.

4. Cải cách chế độ công vụ

- Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 16/CT-UBND ngày 31/12/2020 về tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động bộ máy quản lý nhà nước trên địa bàn huyện Quảng Điền, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, chấp hành nghiêm giờ giấc làm việc, văn hóa công sở, nâng cao chất lượng giải quyết công việc đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng.

- Đã ban hành nhiều văn bản để chỉ đạo, đôn đốc việc thực hiện công tác CCHC trên địa bàn xã nhằm tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện công tác dân vận chính quyền, nâng cao chỉ số CCHC của xã, thực hiện nghiêm kỷ luật kỷ cương hành chính và văn hóa công sở tại cơ quan. Chỉ đạo thực hiện nghiêm các văn bản liên quan đến việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thi hành công vụ, đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh.

- UBND xã cũng đã ban hành Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 27 tháng

01 năm 2022 về kiểm tra công vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính và văn hóa công sở năm 2022. Trên cơ sở kế hoạch kiểm tra, UBND xã đã chỉ đạo công chức Văn phòng - Thống kê xã chuẩn bị các điều kiện để đoàn kiểm tra của xã làm việc và thực hiện đúng tiến độ kiểm tra theo kế hoạch đề ra.

- Tiếp tục chỉ đạo tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, chấp hành nghiêm giờ giấc làm việc, văn hóa công sở, nâng cao chất lượng giải quyết công việc đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng. Tiếp tục chỉ đạo thực hiện nghiêm Chỉ thị số 16/CT-UBND ngày 31/12/2020 về tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động bộ máy quản lý nhà nước trên địa bàn huyện Quảng Điền.

- Đã ban hành Quyết định số 268/QĐ-UBND ngày 27/7/2021 của UBND xã về việc phân công nhiệm vụ Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND xã, nhiệm kỳ 2021 - 2026 và Quyết định số 319/QĐ-UBND ngày 09/9/2021 của UBND xã về việc phân công nhiệm vụ công chức và người hoạt động không chuyên trách UBND xã, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

- Đã ban hành Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 27/01/2022 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức năm 2022, theo đó UBND xã cử cán bộ, công chức đi đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và năng lực giải quyết công việc. UBND xã đã cử 04 cán bộ, công chức tham gia học lớp Trung cấp Lý luận chính trị do Trường Chính trị Nguyễn Chí Thanh tổ chức tại huyện Quảng Điền; cử 04 cán bộ, công chức tham gia học lớp Sơ cấp lý luận chính trị do Trung tâm Chính trị Huyện Quảng Điền tổ chức, ngoài ra còn cử cán bộ, công chức tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ do cấp trên tổ chức.

- Trong 6 tháng đầu năm 2022, cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách cơ quan xã Quảng Thọ chấp hành tốt quy định về kỷ cương, kỷ luật hành chính, không có trường hợp cán bộ, công chức vi phạm kỷ luật.

- Tiếp tục quan tâm cử cán bộ, công chức đi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn theo kế hoạch của cấp trên để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và năng lực giải quyết công việc.

- Việc thực hiện chế độ, chính sách về tiền lương và các chế độ khác liên quan được quan tâm, thực hiện đúng quy định của pháp luật: Thẩm định, trình Phòng Nội vụ nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước hạn cho cán bộ, công chức xã.

5. Cải cách tài chính công

- Thực hiện cơ chế tự chủ theo nghị định 130/2005/NĐ-CP về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ và tài sản công, cơ chế tài chính cho các loại hình tổ chức trong hệ thống hành chính nhà nước; Đầu năm xây dựng dự toán ngân sách trình HĐND xã thông qua, bao gồm kinh phí hoạt động và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan hành chính, khối Đảng, Mặt Trận, các đoàn thể

chính trị... đã giao quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong quá trình tổ chức, hoạt động bộ máy, nhằm nâng cao hiệu quả công việc, đảm bảo chi tiêu hợp lý, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, thực hiện tốt hơn quy chế dân chủ ở cơ quan đơn vị, đồng thời UBND xã luôn quan tâm đến chế độ, chính sách của cán bộ, công chức một cách công khai, minh bạch, dân chủ và bảo đảm quyền lợi hợp pháp của cán bộ, công chức; thực hiện nghiêm quy chế chi tiêu nội bộ trong cơ quan.

- Đã triển khai tốt các chính sách thuế, thu nhập, tiền lương, tiền công, chính sách an sinh xã hội tại cơ quan.

- UBND xã thực hiện thu ngân sách theo kế hoạch được HĐND xã giao và thực hiện kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công đảm bảo tiến độ theo quy định.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

- Xác định ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan, xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số là một trong những nhiệm vụ trọng tâm nhằm đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ cải cách hành chính, phục vụ tốt hơn hoạt động của cơ quan và giải quyết công việc của cá nhân, tổ chức. Để triển khai có hiệu quả nội dung hiện đại hóa hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong các văn bản của cấp trên và nhu cầu thực tế tại địa phương, trong thời gian qua Ủy ban nhân dân xã đã ban hành các văn bản, đề ưu tiên phát triển ứng dụng CNTT.

- Ủy ban nhân dân xã đã ban hành Kế hoạch số 91/KH-UBND ngày 30/12/2021 về Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng xã Quảng Thọ năm 2022.

- UBND xã Quảng Thọ là đơn vị được UBND tỉnh chọn làm điểm triển khai mô hình “Xã Thông minh” tại Kế hoạch số 265/KH-UBND ngày 18/8/2021 của UBND tỉnh về xây dựng mô hình “Xã Thông minh”, triển khai thí điểm tại xã Quảng Thọ, huyện Quảng Điền và xã Vinh Hưng, huyện Phú Lộc. Theo đó:

- + Việc triển khai mô hình cơ bản đã làm thay đổi nhận thức của cán bộ và Nhân dân trên địa bàn xã về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền điện tử, phát triển xã hội số và kinh tế số, nâng cao trình độ, kỹ năng của cán bộ, công chức trong ứng dụng CNTT phục vụ công việc, bằng cách thực hiện các công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách xã, người dân, hợp tác xã, hộ kinh doanh v.v... về sử dụng các hệ thống chính quyền điện tử, dịch vụ công, tiếp cận thông tin trên nền tảng số (HueS), hướng dẫn sử dụng thương mại điện tử, phối hợp đào tạo kỹ năng số cho người nông dân, công nhân nông nghiệp.

- + Diện mạo ứng dụng CNTT tại cơ quan xã Quảng Thọ được thay đổi rõ rệt:

- Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật CNTT cấp Xã. Được UBND huyện đầu tư 500

triệu đồng, đã bố trí phòng điều hành xã thông minh, đã tiến hành nâng cấp đồng bộ hệ thống hạ tầng CNTT cấp xã: Máy tính, đường truyền Internet và hệ thống giám sát qua camera đảm bảo hoạt động cho phòng điều hành xã thông minh. Phối hợp xây dựng điểm truy cập tập trung tại trụ sở UBND xã; xây dựng 9 điểm phát wifi miễn phí cho người dân trên địa bàn toàn xã.

Toàn xã Quảng Thọ có 27 camera được đấu nối vào hệ thống kết nối đến phòng điều hành xã thông minh phục vụ quan sát, truy xuất phục vụ đảm bảo an ninh trật tự tại địa phương. Đã lắp đặt 1 trạm quan trắc không khí tại trụ sở UBND xã.

+ Mô hình “Xã thông minh” đã giúp hoàn thiện tốt hơn một số hệ thống thông tin phục vụ Chính quyền số theo tiêu chí “4 không 1 có” (Hệ thống Quản lý văn bản và Điều hành cấp xã cho cán bộ công chức, viên chức xã; Hệ thống dịch vụ hành chính công trực tuyến và Một cửa điện tử, các hệ sinh thái thông minh Giáo dục, Y tế, ...). Hiện nay, UBND xã đang sử dụng Hệ thống Quản lý văn bản và Điều hành chung của tỉnh, theo đó văn bản được liên thông 3 cấp, 100% văn bản đi được đưa lên môi trường mạng và ký số theo quy định, 100% văn bản đến được tiếp nhận, phân bổ và xử lý trên hệ thống.

- Hệ thống dịch vụ hành chính công trực tuyến và Một cửa điện tử đã được triển khai tại UBND xã. Hiện tại UBND xã đang tiếp nhận hồ sơ TTHC các mức độ 1, 2 và 3. Còn thiếu tiêu chí thanh toán trực tuyến để áp dụng giải quyết TTHC mức độ 4 theo quy định của UBND tỉnh.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt tích cực

- Công tác cải cách hành chính đã được UBND huyện, Đảng ủy, HĐND, Ủy ban nhân dân xã thường xuyên quan tâm, chỉ đạo, thể chế hành chính ngày càng đổi mới, đúng pháp luật, phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương, đã được đầu tư cơ sở vật chất cũng như trang thiết bị phục vụ cho công tác cải cách hành chính.

- Việc thực hiện các nhiệm vụ CCHC tại UBND xã đã được người đứng đầu cơ quan quan tâm chỉ đạo quyết liệt, sự đồng lòng, nỗ lực phấn đấu của tập thể cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách UBND xã trong triển khai thực hiện nhiệm vụ.

- Công tác niêm yết, tra cứu TTHC đã được UBND xã vận dụng sáng tạo bằng triển khai các mã QR Code tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND xã. Trong mỗi bộ QR Code sẽ gồm danh mục các TTHC thuộc từng lĩnh vực theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; với các nội dung gồm: Thông tin chung về TTHC; quy trình các bước thực hiện; thành phần hồ sơ; thời gian giải quyết hồ sơ; yêu cầu của TTHC, căn cứ pháp lý; biểu mẫu (nếu có); mức phí hoặc lệ phí (nếu có).

Việc sử dụng quét mã QR Code, người dân, tổ chức chỉ cần dùng điện thoại thông minh sử dụng ứng dụng camera trên điện thoại, ứng dụng Zalo hoặc một ứng dụng quét mã QR Code bất kỳ để quét mã QR Code của chuyên trang để truy cập thông tin TTHC, hướng dẫn về thành phần hồ sơ, thời gian giải quyết, lệ phí đăng ký, thực hiện đăng ký dịch vụ công trực tuyến và tra cứu nhiều thông tin có liên quan về TTHC trên từng thủ tục. Giúp người dân thuận tiện hơn trong tra cứu thông tin TTHC, nộp hồ sơ trực tuyến.

2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Mặc dù đã đạt được một số kết quả nhất định, tuy vậy công tác cải cách hành chính tại UBND xã vẫn còn một số khó khăn, hạn chế như:

- Phần lớn dân số ở vùng nông thôn, chưa tiếp cận với công nghệ thông tin nên tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến ở các mức độ cao còn thấp.

- Hiện tại UBND xã vẫn còn chưa thể cung cấp được dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 do chưa triển khai được hình thức thanh toán trực tuyến cho người dân trong giải quyết TTHC.

- Tỷ lệ hồ sơ TTHC thực hiện giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích còn thấp do người dân ở địa phương đa số khoảng cách từ nhà đến UBND xã gần nên thường đưa hồ sơ trực tiếp đến nộp, không sử dụng dịch vụ BCCI.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRỌNG TÂM

1. Tiếp tục triển khai đồng bộ, hiệu quả Kế hoạch cải cách hành chính năm 2022; Đẩy mạnh công tác tuyên truyền cải cách hành chính, nâng cao ý thức trách nhiệm, trình độ năng lực chuyên môn, thái độ ứng xử cho đội ngũ cán bộ, công chức

2. Nâng cao chất lượng xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật bảo đảm tính hợp pháp của văn bản quy phạm pháp luật. Thường xuyên rà soát các văn bản QPPL do HĐND và UBND ban hành để khắc phục những thiếu sót về thể thức văn bản. Báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện các nhiệm vụ và theo yêu cầu của cấp trên.

3. Thực hiện tốt công tác kiểm soát, rà soát TTHC, kịp thời phát hiện, báo cáo cấp có thẩm quyền bãi bỏ các loại giấy tờ không cần thiết, rút ngắn thời gian giải quyết một số TTHC để cắt giảm các chi phí không cần thiết trong quá trình giải quyết TTHC của người dân, tổ chức, doanh nghiệp và thực hiện nghiêm việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị liên quan đến các quy định hành chính.

4. Công tác tuyên truyền về cải cách hành chính cũng như công khai hoá các thủ tục hành chính phải được thường xuyên, liên tục trên trang thông tin điện tử, cũng như trên đài truyền thanh xã.

5. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, khai thác sử dụng có hiệu quả các phần mềm dùng chung của UBND tỉnh. Đổi mới

manh mẽ lễ lới làm việc, phương pháp chỉ đạo điều hành và nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu.

6. Củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng hoạt động của Bộ phận tiếp nhận hiện đại. Thực hiện tốt việc giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; thực hiện nghiêm việc khảo sát mức độ hài lòng của người dân. Tiến tới triển khai thực hiện việc giải quyết TTHC cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp ở mức độ 4.

7. Tập trung tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong đội ngũ cán bộ, công chức; thường xuyên kiểm tra việc thực hiện Quy chế văn hóa công sở nhằm kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những hạn chế, thiếu sót.

8. Căn cứ kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của cấp trên để cử cán bộ, công chức tham gia các khoá học nhằm nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, lý luận chính trị, quản lý nhà nước, kỹ năng tin học, tập huấn khai thác và sử dụng có hiệu quả các phần mềm được triển khai.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

- UBND xã kiến nghị cấp trên tổ chức tập huấn để hướng dẫn công chức tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại xã ở mức độ 3 và mức độ 4.

- Kiến nghị cấp trên hỗ trợ UBND xã triển khai hệ thống thanh toán trực tuyến nhằm tiến tới cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 đối với một số TTHC theo quy định của UBND tỉnh.

Trên đây là Báo cáo cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ cải cách hành chính trọng tâm trong thời gian tới./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT. UBND xã;
- Các cơ quan, ban ngành cấp xã;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Công Phong

Phụ lục 2

**BIỂU MẪU THÔNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO
CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

(Kèm theo Báo cáo số 79/BC-UBND ngày 06/6/2022 của UBND xã)

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
	<i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành <i>(Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)</i>	Văn bản	14	
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm <i>(Lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	%	59	
2.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	44	
2.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	26	
3.	Kiểm tra CCHC			
3.1	Số phòng đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
3.2	Số UBND cấp xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
3.3	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%		
3.3.1	<i>Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra</i>	Vấn đề		
3.3.2	<i>Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong</i>	Vấn đề		
4	Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao			
4,1	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ		
4.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ		
4,3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
4,4	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ		
5	Thực hiện nhiệm vụ UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện giao			
5,1	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	46	
5,2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	46	
5,3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	00	
5,4	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	00	

6	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0	1	
6,1	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	1016	
6,2	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	0	
7	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	

Phụ lục 3**BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH THẺ CHẾ***(Kèm theo Báo cáo số 79/BC-UBND ngày 06/6/2022 của UBND xã)*

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
	<i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tổng số VBQPPL do địa phương ban hành	Văn bản		
1.1.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản		
1.2.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	01	
2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	01	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	100	
2.2.1.	<i>Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra</i>	<i>Văn bản</i>	00	
2.2.2.	<i>Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong</i>	<i>Văn bản</i>	00	
3.	Rà soát VBQPPL			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền	Văn bản	01	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	100	
3.2.1.	<i>Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát</i>	<i>Văn bản</i>	00	
3.2.2.	<i>Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong</i>	<i>Văn bản</i>	00	

Phụ lục 4
BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO
CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Kèm theo Báo cáo số 79/BC-UBND ngày 06/6/2022 của UBND xã)

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Thống kê TTHC			
1.1.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục		
1.1.1.	<i>Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	Thủ tục		
1.1.2.	<i>Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	Thủ tục	131	UBND cấp xã báo cáo
2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	03	
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	93	
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	93	
3.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.1.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	Hồ sơ		
3.1.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	Hồ sơ		
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,9	UBND cấp xã báo cáo
3.2.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	Hồ sơ	1062	
3.2.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	Hồ sơ	1061	
3.3.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	100	
3.3.1.	<i>Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)</i>	Hồ sơ	00	
3.3.2.	<i>Số PAKN đã giải quyết xong</i>	Hồ sơ	00	

Phụ lục 5
BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO
CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY

(Kèm theo Báo cáo số 79/BC-UBND ngày 06/6/2022 của UBND xã)

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
	(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1.	Tỷ lệ hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn cấp huyện đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%		
1.2.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị		
1.2.1	Số ĐVSNNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị		
1.2.2	Tỷ lệ ĐVSNNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%		
2.	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người		
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	20	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người		
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%		
3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người		
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người		
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%		

Phụ lục 6
BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO
CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ

(Kèm theo Báo cáo số 79/BC-UBND ngày 06/6/2022 của UBND xã)

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
	(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra (nếu có)	Cơ quan, đơn vị		
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người		
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người		
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người		
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người		
3.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người		
4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).			
4.1.	Số lãnh đạo cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
4.2.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND huyện bị kỷ luật.			
4.3.	Số công chức cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người		
4.5.	Số cán bộ, công chức cấp xã bị kỷ luật.	Người	00	

Phụ lục 7
BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO
CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG
(Kèm theo Báo cáo số 79/BC-UBND ngày 06/6/2022 của UBND xã)

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
	<i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%		
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	7000	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	320	
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị		
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị		
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	<i>Đơn vị</i>		
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	<i>Đơn vị</i>		
2.4.1.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>		
2.4.2.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>		
2.4.3.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>		
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị		

Phụ lục 8**BIỂU MẪU THÔNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ***(Kèm theo Báo cáo số 79/BC-UBND ngày 06/6/2022 của UBND xã)*

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
	<i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	
3.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100	
4.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	
5.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
5.1.1.	<i>Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%		
5.1.2.	<i>Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.</i>	%	100	
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (<i>Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử.</i>)	%	100	
5.2.1	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện</i>			
5.2.2	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã</i>	%	100	UBND cấp xã báo cáo
5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
5.3.1.	<i>Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống</i>	%		
5.3.2.	<i>Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống</i>	%	100	
6.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			

6.1.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%	26	
6.1.1.	<i>Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3</i>	<i>Thủ tục</i>	34	
6.1.2.	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3</i>	<i>Thủ tục</i>	34	
6.1.3.	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến</i>	<i>Thủ tục</i>	00	
6.2.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	56	
6.2.1.	<i>Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4</i>	<i>Thủ tục</i>	56	
6.2.2.	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4</i>	<i>Thủ tục</i>	00	
6.2.3.	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến</i>	<i>Thủ tục</i>	00	
6.3.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%		
6.3.1.	<i>Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương</i>	<i>Thủ tục</i>	90	
6.3.2.	<i>Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia</i>	<i>Thủ tục</i>		
6.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	%	00	
6.4.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)</i>	<i>Hồ sơ</i>		
6.4.2.	<i>Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến</i>	<i>Hồ sơ</i>		
6.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	00	
6.5.1.	<i>Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)</i>	<i>Thủ tục</i>		
6.5.2.	<i>Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.</i>	<i>Thủ tục</i>		